

Chương trình tập huấn
“Tổ chức hoạt động và
hướng dẫn học tập
trực tuyến”

Phong cách học tập và phong cách sư phạm trong dạy học trực tuyến

Nguyễn Tấn Đại

Nghiên cứu viên liên kết, Phòng thí nghiệm liên đại học
về khoa học giáo dục và truyền thông (LISEC), ĐH Strasbourg, Pháp

12/2021



Tài liệu lưu hành theo giấy phép [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

• Lịch sử ứng dụng công nghệ trong giáo dục (CNGD)



Nguồn: Moore & Kearsley (2012)

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

• Vai trò của phong cách học tập trong dạy học trực tuyến

- Hoạt động học tập phải phù hợp với mục tiêu học tập, cho phép đa dạng hoá các thể thức lĩnh hội tri thức và kỹ năng của người học (Williams *et al.*, 2012)
- Phong cách học tập (Pask, 1976):
 - Tổng thể (*holist*)
 - Trình tự (*serialist*)
 - Đa năng (*versatile*)
- Loại hoạt động (Bernard *et al.*, 2004):
 - Đồng bộ (*synchronous*): trực diện hiệu quả hơn
 - Không đồng bộ (*asynchronous*): trực tuyến hiệu quả hơn
- Loại kiến thức (Sitzmann *et al.*, 2006):
 - Kiến thức quy trình (*procedural knowledge*): trực diện và trực tuyến hiệu quả như nhau
 - Kiến thức trần thuật (*declarative knowledge*): trực tuyến hiệu quả hơn

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

• Ưu nhược điểm của các cách thức dạy học trực tuyến

Delivery Mode	Strengths	Weaknesses
Asynchronous (LMS)	<ul style="list-style-type: none"> Learner access independent of Time and Place Organization of content Critical thinking in discussion forums (High efficiency) 	<ul style="list-style-type: none"> Lack of spontaneous interaction Lack of immediate feedback (Low engagement)
Synchronous (LVC)	<ul style="list-style-type: none"> Learner access independent of place Some F2F presence (audio and video) Permanence (can be recorded) Classroom-type technology (Higher engagement than LMS, lower than F2F) 	<ul style="list-style-type: none"> Requires meeting at same time Depends on learners' installed base of computer equipment and connection Requires skill to run meetings (Lower efficiency vs. LMS, higher efficiency vs. F2F)
Blended learning (F2F + LMS)	<ul style="list-style-type: none"> Learner access partially independent of time and place Technology aids to support live meetings F2F allows for personal responses and relations (High engagement, high effectiveness) 	<ul style="list-style-type: none"> Can lead to excessive work for learners and instructor Still requires on-campus participation (Low efficiency)
Blended online learning (LMS + LVC)	<ul style="list-style-type: none"> Learner access independent of place Adds presence vs. LMS Spontaneous thinking in LVC Critical thinking on LMS discussion forums (More engaging than LMS) 	<ul style="list-style-type: none"> Partially dependent on time Susceptible to technical difficulties Needs an event producer May reinforce direct instruction methods (Less efficient than LMS)

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

Nguồn: Fadde (2014)

• **Thuyết kiến tạo (*constructivism*)**

- Khởi sinh từ thuyết nhận thức, phổ biến từ những năm 1970, với đại diện tiêu biểu là J. Piaget (1896-1980)
- Nguyên lí cốt lõi:
 - **Học tập** là hoạt động của **người học**: người học đóng vai trò **trung tâm**
 - Trong quá trình học tập, người học chủ động **tương tác** với môi trường để **kiến tạo** các biểu tượng tâm lí của bản thân
 - Quá trình học tập bao gồm hai mặt chủ đạo: thích nghi và tổ chức
 - **Thích nghi (*adaptation*)**: gồm hai quá trình gắn bó chặt chẽ với nhau:
 - **Tiếp nhận (*assimilation*)**: chuyển đổi sự kiện (*event*) từ môi trường sao cho tương thích với cấu trúc tư duy sẵn có
 - **Thích ứng (*accommodation*)**: điều chỉnh cấu trúc tư duy sao cho tương thích với sự thay đổi thường xuyên của môi trường
 - **Tổ chức (*organization*)**: trạng thái "**xung đột nhận thức**" (*cognitive conflict*) diễn ra cho đến khi đạt **mức cân bằng (*equilibration*)**, cấu trúc tư duy mới hình thành, người học lĩnh hội được tri thức mới
 - **Thức đồ (*schema*)**: một dạng thức biểu tượng tư duy, kết hợp cảm nhận, ý tưởng, hành động,... về một đối tượng nhận thức
 - Tiếp nhận: tổ chức lại thức đồ hiện hữu để hiểu rõ sự kiện từ môi trường
 - Thích ứng: thay đổi thức đồ đã có từ trước để thích nghi với hoàn cảnh mới

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

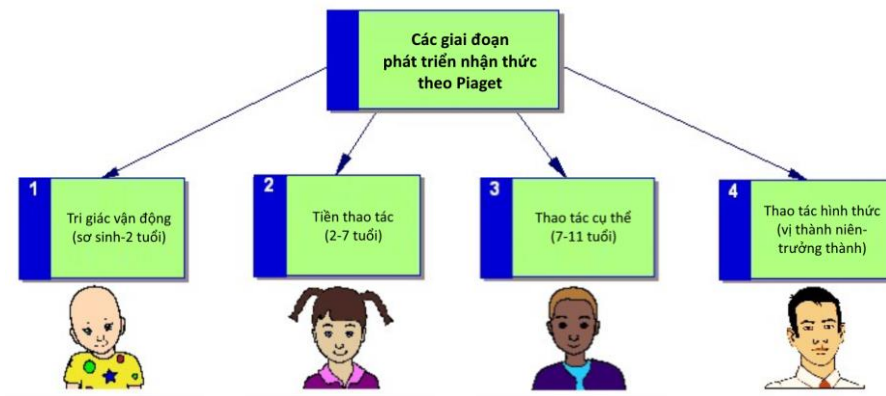
Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

• Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

- 4 giai đoạn phát triển nhận thức của trẻ em (theo Piaget):
 - **Tri giác vận động** (*sensorimotor*) – từ sơ sinh đến 2 tuổi: nhận thức bằng tương tác vật lí với đối tượng, học bằng thử sai
 - **Tiền thao tác** [tư duy] (*preoperational*) – từ 2 tuổi đến 7 tuổi: nhận thức phát triển nhờ kết hợp ngôn ngữ, trí nhớ và trí tưởng tượng
 - **Thao tác cụ thể** (*concrete operational*) – từ 7 tuổi đến 11 tuổi: tăng cường các biểu tượng logic, hệ thống hoá, theo các quy chiếu cụ thể
 - **Thao tác hình thức** (*formal operation*) – từ vị thành niên đến trưởng thành: phát triển nhận thức qua các khái niệm trừu tượng



Nguồn: *Bhattacharya & Han (2010), Depover et al. (2006), Duffy & Orrill (2004), Huang et al. (2019)*

Hình: *Bhattacharya & Han (2010)*

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

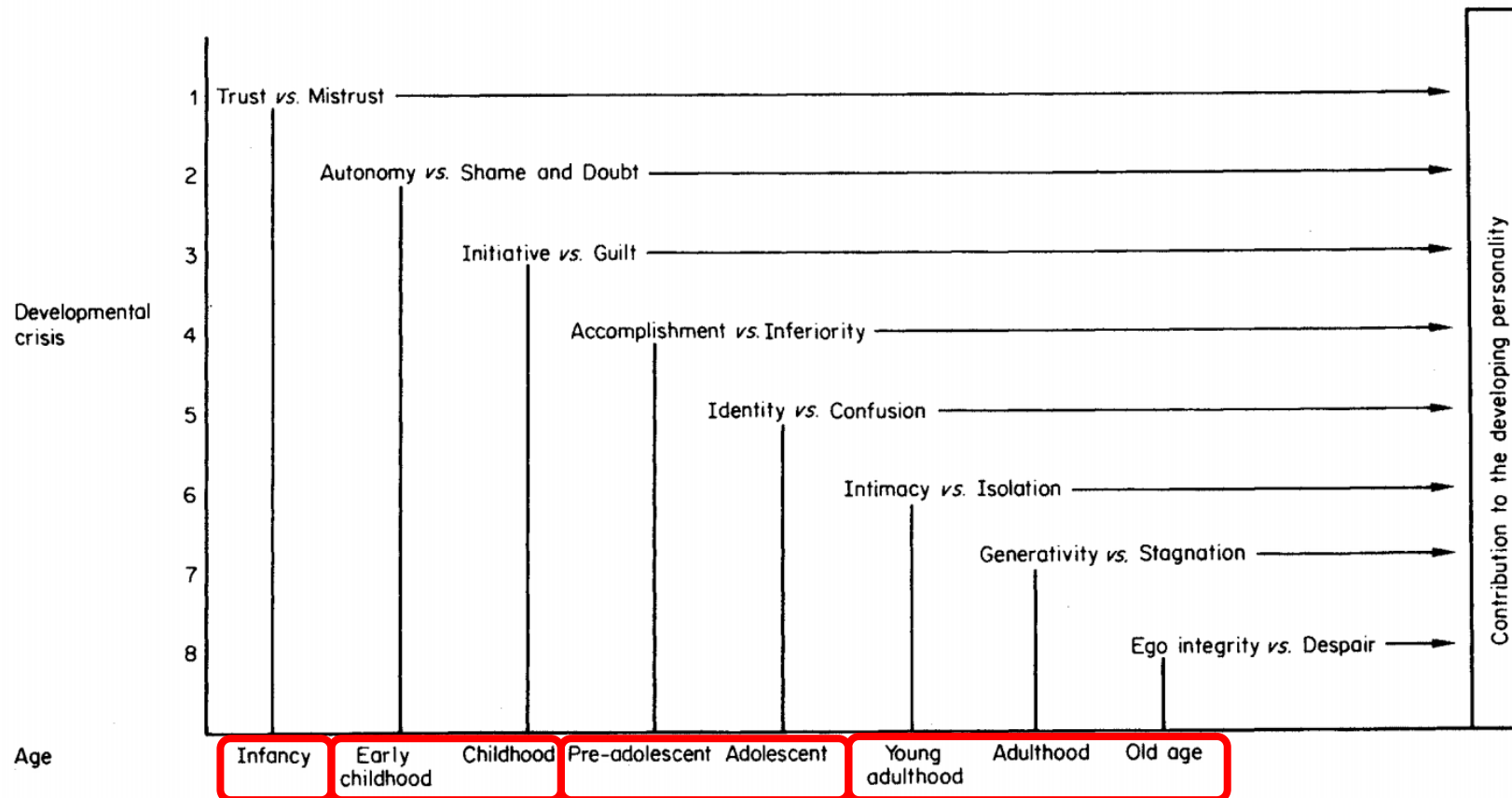
Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

• **Thuyết kiến tạo (*constructivism*)**

- Các giai đoạn phát triển tính cách cá nhân (theo Erikson)



Nguồn: Entwistle (1998)

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

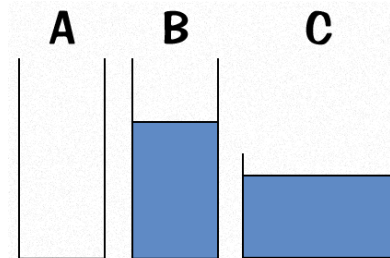
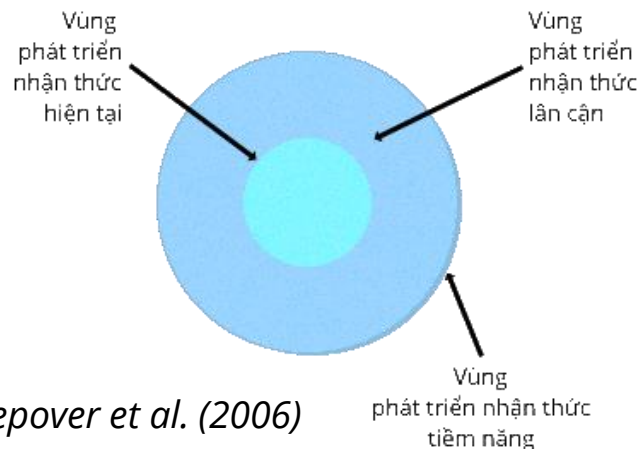
Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

• **Thuyết kiến tạo xã hội (socio-constructivism)**

- Gắn liền với tên tuổi của L. Vygotsky (1896-1934)
- Nguyên lí cốt lõi:
 - **Tương tác xã hội và văn hoá:** vai trò quan trọng trong quá trình học tập
 - **Ngôn ngữ:** hệ thống biểu tượng mà người học dùng để kiến tạo ý nghĩa
 - Tri thức được **đồng kiến tạo:** người học có thể học lẫn nhau
 - Người học phải chủ động trong quá trình học tập
 - **Vùng phát triển nhận thức lân cận (zone of proximal development – ZPD):**
 - Nhóm tác vụ học tập KHÓ HƠN mức người học có thể **một mình** làm chủ, nhưng có thể đạt được VỚI **sự hỗ trợ, hướng dẫn** của người trưởng thành hoặc người học có năng lực cao hơn
 - **Ghép tầng (scaffolding):** cung cấp cho người học một lượng hỗ trợ VỪA ĐỦ tại một thời điểm THÍCH HỢP, trước khi chuyển lên bậc cao hơn liền kề
 - Hoạt động **phối hợp nhóm:** vai trò thiết yếu đối với hiệu quả học tập



Nguồn: Bhattacharya & Han (2010), Depover et al. (2006), Duffy & Orrill (2004), Hayes (2004), Huang et al. (2019)

Hình: Depover et al. (2006)

Phong cách học tập & sư phạm

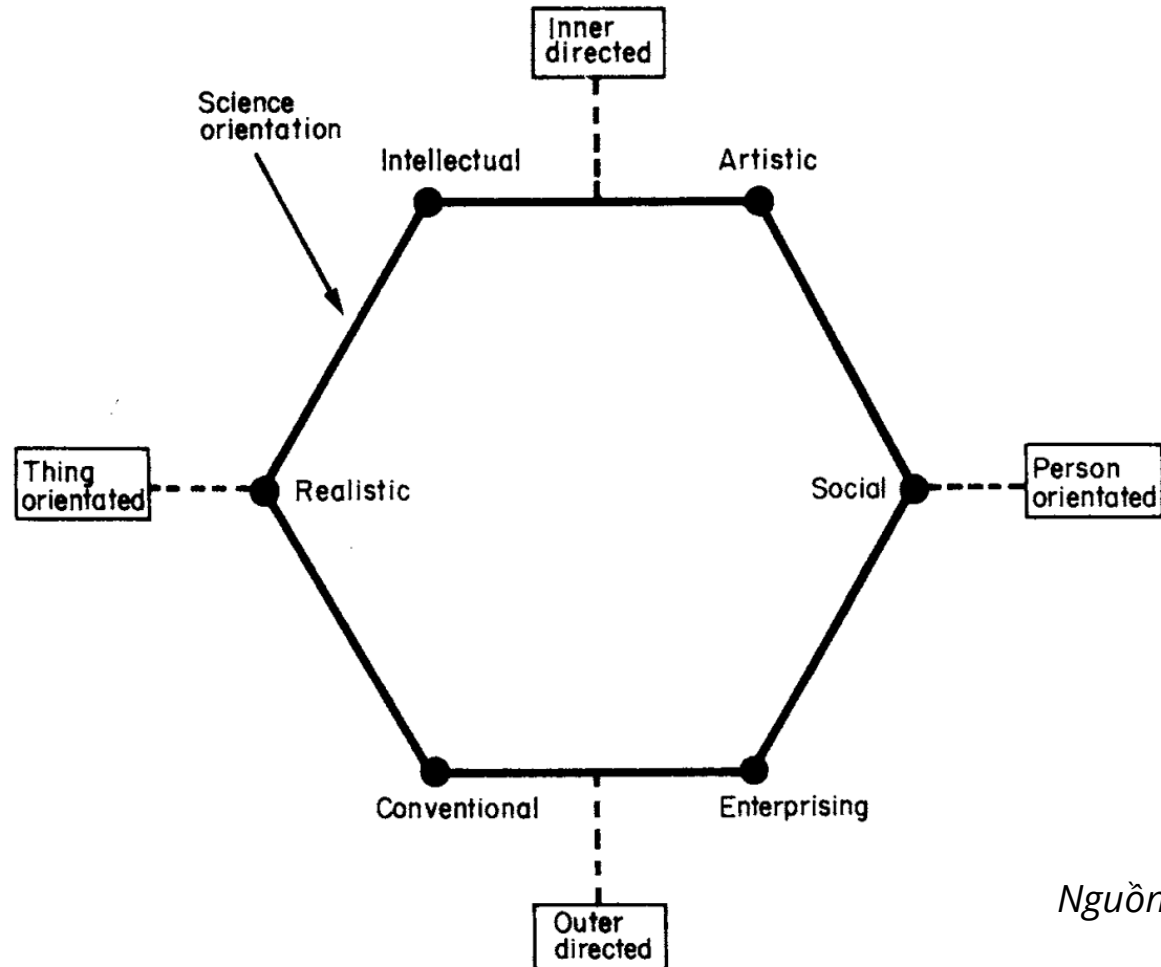
Phong cách học tập & dạy học trực tuyến
Thuyết kiến tạo
(constructivism)

Thuyết kiến tạo xã hội
(socio-constructivism)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm
Thư mục tham khảo

• **Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)**

- Hệ giá trị xã hội trong định hướng và phong cách học tập



Nguồn: Entwistle (1998)

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo (*constructivism*)

Thuyết kiến tạo xã hội (*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

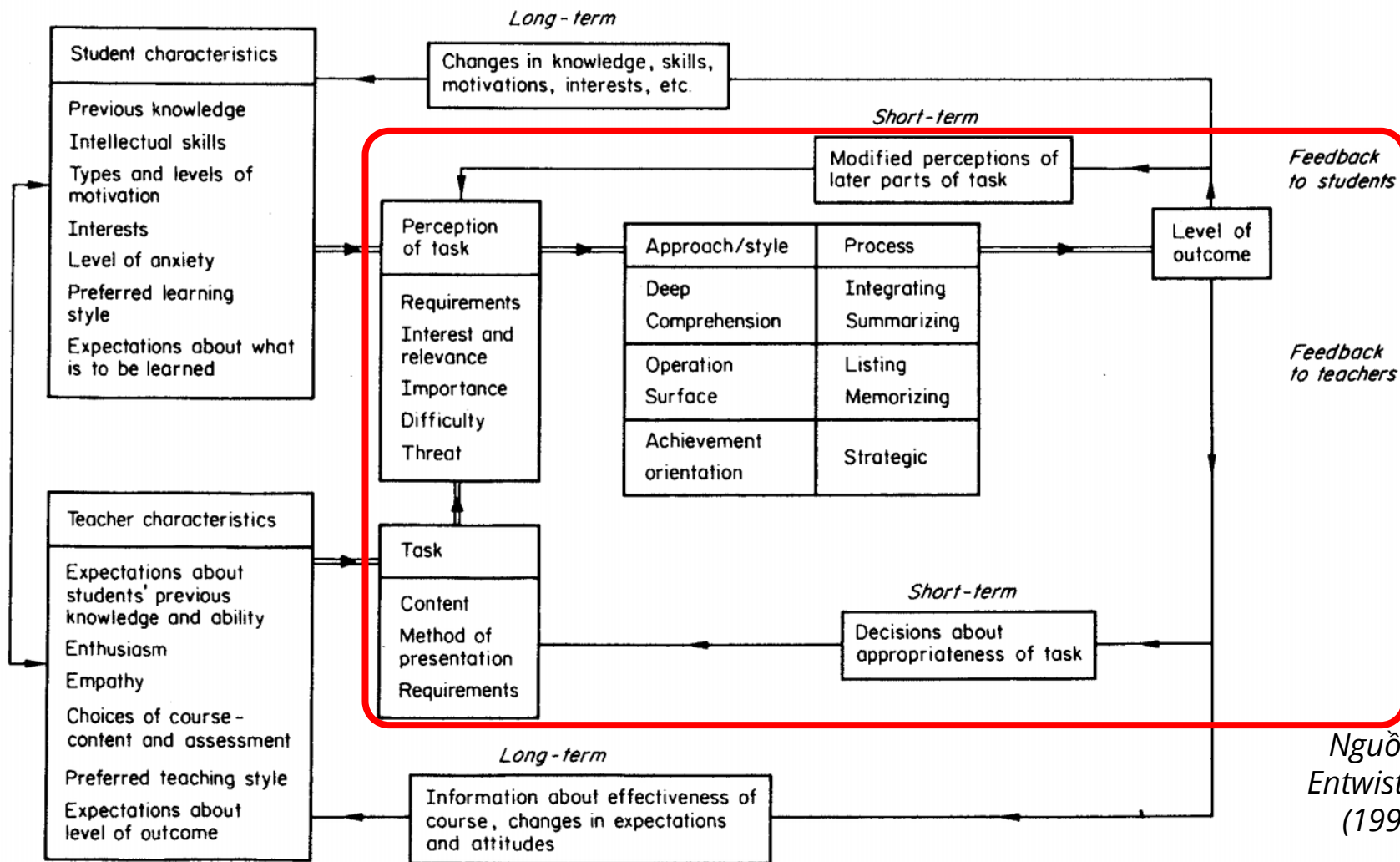
• Lựa chọn phương pháp sư phạm theo phong cách học tập

Orientation and intention	Motivation (personality type)	Approach or style	Process		Outcome
			Stage I	Stage II	
Personal meaning	Intrinsic (Autonomous and syllabus-free)	Deep approach/ versatile <i>Chiều sâu / Đa năng</i>	All four processes below used appropriately to reach understanding		Deep level of understanding
		Comprehension learning <i>Tổng thể</i>	Building overall description of content area	Reorganizing incoming information to relate to previous knowledge or experience and establishing personal meaning	Incomplete understanding attributable to globetrotting
Reproducing	Extrinsic and fear of failure (Anxious and syllabus-bound)	Operation learning <i>Trình tự</i>	Detailed attention to evidence and steps in the argument	Relating evidence to conclusion and maintaining a critical, objective stance	Incomplete understanding attributable to improvidence
		Surface approach <i>Bề mặt</i>	Memorization	Overlearning	Surface level of understanding
Achieving high grades	Hope for success (Stable, self-confident, and ruthless)	Organized/achievement orientated <i>Tổ chức</i>	Any combination of the six above processes considered appropriate to perceived task requirements and criteria of assessment		High grades with or without understanding

Nguồn: Entwistle (1998)

Phong cách học tập & sư phạm
 Phong cách học tập & dạy học trực tuyến
 Thuyết kiến tạo
(constructivism)
 Thuyết kiến tạo xã hội
(socio-constructivism)
 Phong cách học tập & phong cách sư phạm
 Thư mục tham khảo

• Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tập



Nguồn:
Entwistle
(1998)

Phong cách học tập & sư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo
(*constructivism*)

Thuyết kiến tạo xã hội
(*socio-constructivism*)

Phong cách học tập & phong cách sư phạm

Thư mục tham khảo

- **Bernard, R. M., Abrami, P. C., Lou, Y., Borokhovski, E., Wade, A., Wozney, L., Wallet, P. A., Fiset, M., & Huang, B. (2004).** How does distance education compare with classroom instruction? A meta-analysis of the empirical literature. *Review of Educational Research*, 74(3), 379–439.
- **Bhattacharya, K., & Han, S. (2010).** Piaget's constructivism. In M. Orey (Ed.), *Emerging perspectives on learning, teaching, and technology*. The Global Text Project.
- **Depover, C., De Lièvre, B., Quintin, J.-J., Decamps, S., Porco, F., & Floquet, C. (2006).** *Les modèles d'enseignement et d'apprentissage* [Cours de Master 2 UTICEF]. Université de Mons-Hainaut.
- **Duffy, T., & Orrill, C. (2004).** Constructivism. In A. Kovalchick & K. Dawson (Eds.), *Education and technology: An encyclopedia* (pp. 165–172). ABC-CLIO.
- **Entwistle, N. (1998).** *Styles of learning and teaching: An integrated outline of educational psychology for students, teachers and lecturers*. David Fulton Publishers.
- **Fadde, P. J., & Vu, P. (2014).** Blended online learning: Benefits, challenges, and misconceptions. In P. R. Lowenthal, C. S. York, & J. C. Richardson (Eds.), *Online learning: Common misconceptions, benefits and challenges* (pp. 33–48). Nova Science Publishers Inc.
- **Hayes, S. B. (2004).** Vygotsky, Lev (1896-1934). In A. Kovalchick & K. Dawson (Eds.), *Education and technology: An encyclopedia* (pp. 605–612). ABC-CLIO
- **Huang, R., Spector, J. M., & Yang, J. (2019).** *Educational technology: A primer for the 21st century*. Springer.
- **Moore, M. G., & Kearsley, G. (2012).** *Distance education: A systems view of online learning* (3rd ed). Wadsworth Cengage Learning.
- **Pask, G. (1976).** Styles and strategies of learning. *British Journal of Educational Psychology*, 46(2), 128–148.
- **Sitzmann, T., Kraiger, K., Stewart, D., & Wisher, R. (2006).** The comparative effectiveness of web-based and classroom instruction: A meta-analysis. *Personnel Psychology*, 59(3), 623–664.
- **Williams, K., Kear, K., & Rosewell, J. (2012).** *Quality assessment for e-learning: A benchmarking approach* (2nd ed.). European Association of Distance Teaching Universities (EADTU).

Phong cách học tập & tư phạm

Phong cách học tập & dạy học trực tuyến

Thuyết kiến tạo
(*constructivism*)

Thuyết kiến tạo xã hội
(*socio-constructivism*)

Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tập

Thư mục tham khảo